TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 06-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thế Kỳ và ông Nguyễn Như Tạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/HS-QĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Xuân P, sinh ngày 16-02-1995 tại Hà Tĩnh; nơi thường trú: Xã Đ (*Thôn T, xã H, huyện Đ cũ*), tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Thôn 01, xã K, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Mạnh L (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị Q; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 02-01-2025, sau đó bị tạm giữ đến ngày 10-01-2025 được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 05, xã K, tỉnh Lâm Đồng – *Vắng mặt.*

2. Chị Thị H, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn 05, xã K, tỉnh Lâm Đồng – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

3. Chị Hoàng Thị Linh N, sinh năm 2006; địa chỉ: Xã N, tỉnh Lâm Đồng (*Thôn 15, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ*) – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

4. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2002; địa chỉ: Xã N, tỉnh Lâm Đồng (*Thôn 03, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ*) – *Vắng mặt.*

5. Chị Trịnh Thị Ph, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 01, xã K, tỉnh Lâm Đồng – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

6. Anh Bùi Anh Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 08, xã K, tỉnh Lâm Đồng – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2023 đến tháng 12-2024, Lê Xuân P đã cho một số người dân trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*cũ*) vay tiền với lãi suất cao. P căn cứ vào số ngày vay hoặc tháng vay để tính lãi, thời hạn vay tùy thỏa thuận, tiền lãi từ 2.500 đồng đến 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn 10 ngày hoặc 01 tháng trả lãi một lần, có thể trả tiền gốc kèm theo, cụ thể như sau:

1. Đối với chị Nguyễn Thị Bích L: Vay 02 lần với lãi suất 182,5%/năm, tổng số tiền lãi mà P đã thu là 33.000.000 đồng, trong đó: Tiền lãi pháp luật cho phép là 3.616.140 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính thực tế là 29.383.860. Tiền lãi thu lợi bất chính P phải chịu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm bị phát hiện là 30.274.280 đồng, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 19-11-2023, chị L vay 15.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm, hình thức trả lãi thông qua chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Viettinbank số X của chị L đến tài khoản ngân hàng Sacombank số Y của P, 10 ngày trả lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn vay. Đến ngày 22-7-2024, chị L đã trả 18.000.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi thu lợi bất chính P phải chịu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm bị phát hiện là 16.027.560 đồng; số tiền gốc tính vào khoản vay sau.

- Lần 02: Ngày 23-7-2024, chị L vay 20.000.000 đồng *(gồm 15.000.000 đồng tiền vay lần trước và vay thêm 5.000.000 đồng)* với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm, hình thức trả lãi thông qua chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt trực tiếp, mỗi tháng trả lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn vay. Đến ngày 23-12-2024, chị L đã trả 15.000.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi thu lợi bất chính P phải chịu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm bị phát hiện là 14.246.720 đồng. Hiện chị L chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng cho P.

2. Đối với chị Thị H: Vay 02 lần với lãi suất từ 328,5%/năm đến 365%/năm, tổng số tiền lãi mà P đã thu là 19.500.000 đồng, trong đó: Tiền lãi pháp luật cho phép là 1.150.590 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính thực tế là 18.349.410 đồng. Tiền lãi thu lợi bất chính P phải chịu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm bị phát hiện là 21.138.603 đồng, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 01-03-2024, chị H vay 5.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 365%/năm, hình thức trả lãi thông qua chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Nam Á Bank số O của chị Hiên đến tài khoản ngân hàng Agribank số Z của P hoặc đưa tiền mặt trực tiếp cho P, 10 ngày trả lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn vay. Đến ngày 30-06-2024, chị H đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi thu lợi bất chính P phải chịu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm bị phát hiện là 5.671.260 đồng. Số tiền gốc tính vào khoản vay sau.

- Lần 02: Ngày 01-7-2024, chị H vay số tiền 10.000.000 đồng *(gồm 5.000.000 đồng tiền vay lần trước và vay thêm 5.000.000 đồng)* với lãi suất 9.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 328,5%/năm, hình thức trả lãi thông qua chuyển khoản hoặc chị H đưa tiền mặt trực tiếp cho P, 10 ngày trả lãi một lần, không thỏa thuận thời hạn vay. Đến ngày 30-11-2024, chị H đã trả tổng 13.500.000 đồng tiền lãi. Tiền lãi thu lợi bất chính P phải chịu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm bị phát hiện là 15.467.343 đồng. Hiện chị H đã trả toàn bộ số tiền gốc 10.000.000 đồng cho P.

3. Đối với chị Hoàng Thị Linh N: Vay 01 lần vào ngày 22-10-2024 số tiền 55.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm, hình thức trả lãi thông qua chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Nam Á Bank số K của Phú, thời hạn vay 06 tháng (*từ ngày 22-10-2024 đến ngày 22-04-2025*), 01 tháng trả lãi 01 lần. Đến ngày 22-12-2024, chị N đã trả 02 lần tiền lãi với số tiền 16.500.000 đồng, trong đó: Tiền lãi pháp luật cho phép là 1.808.070 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính thực tế là 14.691.930 đồng. Hiện chị N đã trả toàn bộ số tiền gốc 55.000.000 đồng cho P. Do khoản vay của chị N có thỏa thuận thời hạn vay 06 tháng nhằm thu lợi bất chính số tiền 44.075.790 đồng (*trên 30.000.000 đồng*) nên P phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền lãi thu lợi bất chính mà P nhằm đạt được là 44.075.790 đồng.

4. Đối với chị Nguyễn Thị Cẩm T: Vay 01 lần vào ngày 27-5-2024 số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 1.000.000 đồng/1.000.000 đồng/30 ngày, tương đương 243,3%/năm, hình thức trả lãi thông qua chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng MBBank số B của chị T chuyển vào tài khoản ngân hàng Agribank số Z của P, 01 tháng trả lãi 01 lần, không thỏa thuận thời hạn vay. Đến ngày 20-12-2024, chị T đã trả 7.000.000 đồng tiền lãi, trong đó: Tiền lãi pháp luật cho phép là 575.295 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính thực tế là 6.424.705 đồng. Tiền lãi thu lợi bất chính P phải chịu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm bị phát hiện là 6.735.724 đồng. Hiện chị T đã trả số tiền gốc là 1.000.000 đồng và còn nợ P số tiền gốc 4.000.000 đồng.

5. Đối với chị Trịnh Thị Ph: Vay 01 lần vào ngày 17-6-2023 số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm, hình thức trả lãi bằng tiền mặt trực tiếp, 10 ngày trả lãi 01 lần, không thỏa thuận thời hạn vay. Đến ngày 17-12-2024, chị Ph đã trả 27.000.000 đồng tiền lãi, trong đó: Tiền lãi pháp luật cho phép là 2.958.660 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính thực tế là 24.041.340 đồng. Tiền lãi thu lợi bất chính P phải chịu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm bị phát hiện là 24.353.676 đồng. Hiện chị Ph đã trả toàn bộ số tiền gốc 10.000.000 đồng cho P.

6. Đối với anh Bùi Anh Đ: Vay 01 lần vào ngày 19-4-2024 số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 109,5%/năm, hình thức trả lãi thông qua chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng Nam Á Bank số N của anh Đ đến tài khoản ngân hàng Sacombank số M của P hoặc đưa tiền mặt trực tiếp, 10 ngày trả lãi 01 lần, không thỏa thuận thời hạn vay. Đến ngày 29-10-2024, anh Đ đã trả 5.700.000 đồng tiền lãi, trong đó: Tiền lãi pháp luật cho phép là 1.041.010 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính thực tế là

4.658.990 đồng. Tiền lãi thu lợi bất chính P phải chịu trách nhiệm hình sự tính đến thời điểm bị phát hiện là 6.252.855 đồng. Hiện anh Đ đã trả toàn bộ số tiền gốc 10.000.000 đồng cho P.

Như vậy, quá trình điều tra xác định Lê Xuân P đã sử dụng tổng số tiền gốc 110.000.000 đồng để cho 06 người dân vay tiền với lãi suất cao, trong đó, tiền lãi pháp luật cho phép là 15.535.705 đồng; tiền lãi P thu lợi bất chính thực tế là 97.550.235 đồng; tiền lãi P thu lợi bất chính làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự là 132.830.928 đồng.

Vật chứng thu giữ của vụ án gồm: 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xanh, số máy E, số seri F.

Cáo trạng số: 48/CT-VKS-ĐL ngày 28-5-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (*nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng*) đã truy tố bị cáo Lê Xuân P về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích nội dung vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

***- Tuyên bố** bị cáo Lê Xuân P phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Căn cứ khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Xuân P từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng.*

***- Việc xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 15 Promax liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.*

- Về biện pháp tư pháp:

+ Truy thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền gốc bị cáo sử dụng vào việc cho vay là 110.000.000 đồng, trong đó truy thu của bị cáo Lê Xuân P số tiền 86.000.000 đồng; truy thu của chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 20.000.000 đồng; truy thu của chị Nguyễn Thị Cẩm T số tiền 4.000.000 đồng.

+ Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Lê Xuân P số tiền 11.919.565 đồng là tiền lãi pháp luật cho phép do phạm tội mà có.

+ Buộc bị cáo Lê Xuân P phải trả lại tổng số tiền thu lợi bất chính là 97.550.235 đồng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Bích L, chị Thị H, chị Hoàng Thị Linh N, chị Nguyễn Thị Cẩm T, chị Trịnh Thị Ph, anh Bùi Anh Đ.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố và không bào chữa, tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến tính khách quan của việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 6-2023 đến tháng 12-2024, trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*cũ*), Lê Xuân P đã cho 06 người dân (*gồm chị Nguyễn Thị Bích L, chị Thị H, chị Hoàng Thị Linh N, chị Nguyễn Thị Cẩm T, chị Trịnh Thị Ph, anh Bùi Anh Đ*) vay tiền với 08 lượt vay. Lãi suất cho vay từ 109,5%/năm đến 365%/năm, gấp từ 5,475 lần đến 18,25 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản vay của chị Hoàng Thị Linh N: Bị cáo cho chị N vay 01 lần số tiền 55.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm, thời hạn vay 06 tháng, tức số tiền lãi bị cáo nhằm đạt được khi cho chị N vay là 44.075.790 đồng. Theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (*viết tắt là Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021*) thì mặc dù thực tế số tiền lãi bị cáo đã thu lợi bất chính tính đến thời điểm bị phát hiện là 14.691.930 đồng nhưng cần xác định số tiền lãi thu lợi bất chính làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là 44.075.790 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 132.830.928 đồng.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Lê Xuân P đã phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án

tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:

...

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

……"

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Xét thấy, bị cáo phạm tội không có tính chất chuyên nghiệp; không hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021.

[7]. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021:

[7.1]. Đối với tổng số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là 110.000.000 đồng cần truy thu sung quỹ nhà nước, trong đó: Truy thu của bị cáo Lê Xuân P số tiền 86.000.000 đồng (*gồm 10.000.000 đồng chị Thị H đã trả cho bị cáo; 55.000.000 đồng chị Hoàng Thị Linh N đã trả cho bị cáo; 1.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Cẩm T đã trả cho bị cáo; 10.000.000 đồng chị Trịnh Thị Ph đã trả cho bị cáo và 10.000.000 đồng anh Bùi Anh Đ đã trả cho bị cáo*); truy thu của chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 20.000.000 đồng; truy thu của chị Nguyễn Thị Cẩm T số tiền 4.000.000 đồng.

[7.2]. Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 11.919.565 đồng cần truy thu sung quỹ nhà nước.

[7.3]. Đối với số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính trên thực tế là 97.550.235 đồng cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay, trong đó: Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 29.383.860 đồng; trả lại cho chị Thị H số tiền 18.349.410 đồng; trả lại cho chị Hoàng Thị Linh N số tiền 14.691.930 đồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm T số tiền 6.424.705 đồng; trả lại cho chị Trịnh Thị Ph số tiền 24.041.340 đồng; trả lại cho anh Bùi Anh Đ số tiền 4.658.990 đồng.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên theo điểm e khoản 2 Điều 32 của Bộ luật Hình sự, không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xanh, số máy E, số seri F là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[10]. Quá trình điều tra xác định bị cáo còn cho bà Nguyễn Thị Q vay tiền 02 lần với lãi suất từ 91,25%/năm đến 182,5%/năm, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 01-6-2023, bà Q vay 10.000.000 đồng với lãi suất 182,5%. Đến ngày 30-6-2023, bà Q đã trả 6.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi P thu lợi bất chính là 5.342.520 đồng. Do số tiền gốc đã chuyển sang khoản vay sau nên khoản vay này đã kết thúc và tính đến thời điểm phát hiện là 02-01-2025 thì khoản vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không đề cập xử lý.

- Lần 02: Ngày 01-10-2023, bà Q vay thêm 10.000.000 đồng, cộng với 10.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay trước, tổng cộng là 20.000.000 đồng với lãi suất 91,25%/năm. Đến ngày 30-11-2024, bà Q đã trả 21.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi P thu lợi bất chính là 17.686.026 đồng. Lần vay này có mức lãi suất thấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nên không đề cập xử lý hình sự.

[11]. Ngoài ra, P còn khai nhận cho thêm nhiều người khác vay tiền nhưng kết quả điều tra chưa xác minh được thông tin của những người vay này. Ngày 22-4-2025, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông (*nay là Công an tỉnh Lâm Đồng*) đã ban hành Thông báo số: 1023/TB-CQCSĐT-PC002 về việc truy tìm người vay nhưng đến nay chưa xác định được nên chưa đề cập xử lý.

[12]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân P phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Xử phạt bị cáo Lê Xuân P số tiền 220.000.000đ (*hai trăm hai mươi triệu đồng*).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

2.1. Truy thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền 110.000.000đ (*một trăm mười triệu đồng*) là tiền gốc bị cáo dùng để cho vay, trong đó: Truy thu của bị cáo Lê Xuân P số tiền 86.000.000đ (*tám mươi sáu triệu đồng*); truy thu của chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*); truy thu của chị Nguyễn Thị Cẩm T số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

2.2. Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Lê Xuân P số tiền 11.919.565đ (*mười một triệu chín trăm mười chín nghìn năm trăm sáu mươi lăm đồng*) là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay.

2.3. Buộc bị cáo Lê Xuân P phải trả lại cho những người vay tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính trên thực tế là 97.550.235đ (*chín mươi bảy triệu năm trăm năm mươi nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng*), cụ thể:

2.3.1. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 29.383.860đ (*hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi đồng*).

2.3.2. Trả lại cho chị Thị H số tiền 18.349.410đ (*mười tám triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm mười đồng*).

2.3.3. Trả lại cho chị Hoàng Thị Linh N số tiền 14.691.930đ (*mười bốn triệu sáu trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi đồng*).

2.3.4. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm T số tiền 6.424.705đ (*sáu triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ năm đồng*).

2.3.5. Trả lại cho chị Trịnh Thị Ph số tiền 24.041.340đ (*hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm bốn mươi đồng*).

2.3.6. Trả lại cho anh Bùi Anh Đ số tiền 4.658.990đ (*bốn triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn chín trăm chín mươi đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu xanh, số máy E, số seri: F là công cụ, phương tiện phạm tội *[có đặc điểm như trong Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04-6-2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông (nay là Công an tỉnh Lâm Đồng) với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng)]*.

4. Về Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Xuân P phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo phần bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PC10 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Bị cáo; người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Trang